|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  **TỈNH QUẢNG NAM**  **HDC CHÍNH THỨC**  *(HDC có 03 trang)* | **KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10**  **THPT CHUYÊN, PTDTNT TỈNH**  **NĂM HỌC 2023 – 2024**  **Môn thi: Địa lí (chuyên)**  **Thời gian: 150 phút** (*không kể thời gian giao đề*)  **Khóa thi ngày:** **06-08/6/2023** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. HƯỚNG DẪN CHUNG**

1) Cán bộ chấm thi chấm đúng như hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm.

2) Hướng dẫn chấm chủ yếu theo hướng *“mở”,* chỉ nêu những ý chính, từ đó phát triển các ý cụ thể. Trong quá trình chấm cần quan tâm đến lí giải, lập luận của thí sinh. Nếu có câu nào, ý nào mà thí sinh có cách trả lời khác với hướng dẫn chấm nhưng đúng, thì vẫn cho điểm tối đa của câu, ý đó theo thang điểm.

**II. HƯỚNG DẪN CHẤM CHI TIẾT**

| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| **1**  **(1,5)** |  | **Dân số nước ta đông và tăng nhanh ảnh hưởng như thế nào đến phát triển kinh tế - xã hội đất nước?** | **1,5** |
| - Dân số nước ta đông và tăng nhanh tạo nên:  + Nguồn lao động dồi dào.  + Thị trường tiêu thụ rộng lớn. | 0,25  0,25 |
| - Tạo sức ép đối với phát triển kinh tế; cơ cấu kinh tế theo ngành, theo lãnh thổ chậm chuyển dịch… | 0,25 |
| - Gây khó khăn giải quyết việc làm. | 0,25 |
| - Chất lượng cuộc sống: Giáo dục, y tế, thu nhập bình quân đầu người …chậm cải thiện. | 0,25 |
| - Tài nguyên thiên nhiên bị khai thác quá mức, môi trường ô nhiễm… | 0,25 |
| **2**  **(2,5đ)** | **a** | **Kể tên các trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng có quy mô lớn của nước ta.** | **0,5** |
| Hải Phòng, Thủ Dầu Một, Biên Hòa, Vũng Tàu  *(Kể đúng mỗi trung tâm được 0,125đ)* |  |
| **b** | **Tình hình phát triển và phân bố ngành nội thương nước ta.** | ***2.0*** |
| - Hoạt động nội thương nước ta có những thay đổi căn bản, cả nước là một thị trường thống nhất, hàng hoá đa dạng, dồi dào... | 0,25 |
| - Hệ thống các trung tâm thương mại, siêu thị, chợ ...mở rộng khắp cả nước. | 0,25 |
| - Thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia, đặc biệt kinh tế tư nhân giúp nội thương phát triển mạnh mẽ. | 0,25 |
| - Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng hàng hoá tăng nhanh *(dẫn chứng).* | 0,25 |
| - Hoạt động nội thương phát triển rộng khắp cả nước nhưng mức độ tập trung khác nhau giữa các vùng.  + Những vùng hoạt động nội thương phát triển nhất: Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.  + Những vùng hoạt động nội thương kém phát triển: Tây Nguyên, TDMNBB, Bắc Trung Bộ. | 0,25  0,25  0,25 |
| - Hà Nội và TP Hồ Chí Minh là hai trung tâm thương mại, dịch vụ lớn và đa dạng nhất nước ta. | 0,25 |
|  |  | - Cơ cấu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng phân theo thành phần kinh tế có sự thay đổi theo hướng: Tăng tỉ trọng của khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, giảm tỉ trọng của khu vực nhà nước.  *Nếu thí sinh trả lời được ý trên thì được 0,25 điểm nhưng tổng điểm*  ***không*** *vượt quá 2,0 điểm của câu hỏi này.* |  |
| **3**  **(1,5đ)** |  | **Trình bày tài nguyên du lịch tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ** | **1,5** |
| - Di sản thiên nhiên thế giới: vịnh Hạ Long. | 0,25 |
| - Khí hậu phân hóa theo đai cao, một số núi cao khí hậu mát mẻ: Sa Pa, Tam Đảo. | 0,25 |
| - Các thắng cảnh: Hồ Thác Bà, Sa Pa, Tam Thanh... | 0,25 |
| - Các bãi biển đẹp, nổi tiếng: Trà Cổ, Bãi Cháy. | 0,25 |
| - Các vườn quốc gia: Ba Bể, Hoàng Liên, Bái Tử Long… | 0,25 |
| - Các suối nước khoáng (Mỹ Lâm, Quang Hanh)/; hang, động (hang Chui, Tam Thanh) | 0,25 |
| *Nếu thí sinh* ***không*** *nêu dẫn chứng chỉ cho ½ số điểm* |  |
| **4**  **(2,0đ)** | **a** | **Chứng minh vùng biển nước ta giàu nguồn lợi hải sản.** | **1,0** |
| - Tổng trữ lượng hải sản lớn: khoảng 4 triệu tấn, cho phép khai thác hằng năm khoảng 1,9 triệu tấn. | 0,25 |
| - Phong phú, đa dạng về thành phần loài: hơn 2000 loài cá, trên 100 loài tôm... | 0,25 |
| - Nhiều loài cá có giá trị kinh tế cao/ nhiều loài tôm có giá trị xuất khẩu. | 0,25 |
| - Nhiều loài đặc sản: hải sâm, bào ngư, sò điệp... | 0,25 |
| *Nếu thí sinh* ***không*** *nêu dẫn chứng chỉ cho ½ số điểm.* |  |
| **b** | **Tại sao hiện đại hóa công nghiệp chế biển hải sản là phương hướng quan trọng trong phát triển ngành thủy sản ta?** |  |
| **-** Sử dụng có hiệu quả nguồn nguyên liệu của ngành đánh bắt và nuôi trồng thủy sản, kích thích ngành này phát triển. | 0,25 |
| - Nâng cao chất lượng, tăng giá trị sản phẩm/ mở rộng thị trường… | 0,25 |
| **5**  **(3,0đ)** | **a** | **Tính cơ cấu diện tích cây công nghiệp hàng năm và lâu năm**  **của nước ta, giai đoạn 2005 – 2020 (%).** | **0, 5** |
| |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **2005** | **2010** | **2015** | **2020** | | **Tổng diện tích cây công nghiệp** | 100,0 | 100,0 | 100,0 | 100,0 | | **Cây công nghiệp hàng năm** | 34,5 | 28,4 | 23,9 | 17,3 | | **Cây công nghiệp lâu năm** | 65,5 | 71,6 | 76,1 | 82,7 |   *(Thí sinh có thể lấy 1 hoặc 2 chữ số thập phân)* |  |
| **b** | **Vẽ biểu đồ:** Vẽ biểu đồ miền (các loại biểu đồ khác không cho điểm)  Yêu cầu: Thẩm mĩ, chính xác, có đủ các tiêu chí: tên biểu đồ, kí hiệu, chú giải, số liệu, đơn vị, năm.  *(Thiếu hoặc sai mỗi tiêu chí trừ 0,25 điểm).* | **1,0** |
| **c** | **Nhận xét** | **0,75** |
| - Diện tích cây công nghiệp lâu năm luôn chiếm tỉ trọng lớn hơn cây công nghiệp hàng năm. | 0,25 |
| - Diện tích cây nghiệp hằng năm giảm tỉ trọng (d/c) | 0,25 |
| - Diện tích cây nghiệp lâu năm tăng tỉ trọng (d/c) | 0,25 |
| *Nếu thí sinh* ***không*** *dẫn chứng số liệu chỉ cho ½ số điểm* |  |
| **Giải thích** | **0,75** |
| Cây công nghiệp lâu năm luôn chiếm tỉ trọng lớn hơn cây công nghiệp hàng năm và có xu hướng tăng do:  - Hiệu quả kinh tế cây công nghiệp lâu năm cao hơn.  - Nhu cầu thị trường lớn hơn, nhất là cho xuất khẩu.  - Điều kiện sản xuất có nhiều thuận lợi hơn. | 0,25  0,25  0,25 |

----- HẾT -----